TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 78/2017/DS-ST
Ngày 19 – 7 – 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha

2. Ông Võ Sỹ Hùng

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Thanh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 414/2016/TLST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2016 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 438/2017/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Ánh N – sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 207, Đường H, phường 6, tp.C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T – sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, phường 9, tp.C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo nguyên đơn bà Lê Aùnh N trình bày: Ngày 21/01/2016 bà có cho ông Võ Văn T vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay đến ngày 21/3/2016, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, khi vay ông T có viết biên nhận nợ cho bà.

Kể từ khi nhận tiền vay đến nay, ông T không trả lãi đồng thời cũng không trả vốn vay, mặc dù bà đã nhiều lần gặp ông T để yêu cầu thanh toán. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T thanh toán lại 1.000.000.000 đồng tiền vốn vay và yêu cầu ông T phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định.

Tại biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/6/2017 ông Võ Văn T trình bày: Ngày 21/01/2016 ông có mượn bà Lê Aùnh N số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Từ khi mượn đến nay ông chưa trả tiền lãi cho bà N.

Ngày 23/3/2016 ông đã trả cho bà N được số tiền 500.000.000 đồng, khi đó bà N không làm biên nhận cho ông. Như vậy ông xác định chỉ còn nợ lại bà N 500.000.000 đồng.

Nay ông đồng ý thoanh toán cho bà N số tiền còn nợ 500.000.000 đồng và trả tiền lãi mỗi tháng 15.000.000đồng tính từ khi vay đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Võ Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Văn T theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 21/01/2016 bà Lê Aùnh N có cho ông Võ Văn T vay số tiền 1.000.000.000 đồng là thực tế có thật, bởi lẽ khi nhận tiền vay ông T có làm biên nhận nợ, và tại biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/6/2017 ông Võ Văn T cũng thừa nhận có vay của bà N số tiền 1.000.000.000 đồng như nêu trên.

Theo bà N trình bày, sau khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm ông T không thanh toán lại cho bà bất kỳ khoản tiền vốn vay nào, ngược lại ông T trình bày vào ngày 23/3/2016 ông đã thanh toán cho bà N 500.000.000 đồng tiền vốn vay tại khách sạn Aùnh N. Ngày 19/6/2017 Tòa án đã ấn định cho ông T trong hạn 07 ngày kể từ ngày ấn định phải cung cấp cho Tòa án chứng cứ thể hiện đã trả cho bà N 500.000.000 đồng, đã hết thời hạn ấn định nhưng ông T vẫn không cung cấp chứng cứ thể hiện đã trả cho bà N 500.000.000 đồng tiền vốn vay.

Như vậy ngoài lời trình bày của ông T thì ông T không có bất cứ chứng cứ gì để chứng minh việc có trả bà N 500.000.000 đồng tiền vốn vay. Do bà N không thừa nhận việc ông T có thanh toán cho bà số tiền vốn vay 500.000.000 đồng nên có yêu cầu buộc ông T thanh toán cho bà số tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền vốn vay là 1.000.000.000 đồng.

[3] Ngoài yêu cầu trả vốn vay, bà N còn yêu cầu ông T phải trả tiền lãi từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất, theo bà N xác định lãi suất cho vay bằng 1,5%/tháng, tại biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/6/2017 ông T xác định lãi suất cho vay bằng 3%/tháng. Tại phiên tòa bà N yêu cầu điều chỉnh lại mức lãi suất cho vay theo quy định của nhà nước, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N yêu cầu điều chỉnh mức lãi suất theo quy định là phù hợp với quy định của pháp luật, không làm bất lợi cho ông T nên được chấp nhận.

Bà N và ông T đều xác định từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm ông T chưa trả cho bà N khoản tiền lãi nào, do đó yêu cầu của bà N về việc ông T trả tiền lãi là có căn cứ chấp nhận. Như vậy số tiền lãi ông T phải trả cho bà N tính đến ngày xét xử sơ thẩm bằng tiền là: 134.500.000 đồng.

{(ngày vay 21/01/2016 đến ngày xét xử 19/7/2017) là 17 tháng 28 ngày x 0,75%/tháng (9%/năm) x tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng}

[4] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông T phải chịu theo quy định. Bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông Võ Văn T. Aùp dụng các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các loại án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Aùnh N.

Buộc ông Võ Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Aùnh N số tiền 1.134.500.000đồng.

Kể từ ngày bà Lê Aùnh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Văn T không thanh toán xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2/ Aùn phí dân sự sơ thẩm có giá ông Võ Văn T phải chịu 46.035.000 đồng. Bà Lê Aùnh N không phải nộp. Ngày 12 tháng 12 năm 2016 bà N đã dự nộp 21.000.000 đồng tại lai số 0003810 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điêù 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Aùnh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Phạm Việt Trung

Nơi nhận:
-TAND tỉnh C;
- VKSND thành phố C;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn
- Lưu TM (TANDTpCM)